

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Phú

2. Ông Nguyễn Hải Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương L, sinh năm 1995; nơi ĐKKH: Thôn K, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Số nhà 33A, đường Lê, tk, thị trấn N, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lương Văn T kết hôn với nhau ngày 27/3/2015, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn K, xã N, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng tháng 5 năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế, anh T còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị đã khuyên bảo và cho anh T cơ hội nhưng anh T không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Gia đình hai bên có dàn xếp cho vợ chồng hòa thuận nhưng không có kết quả. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016 và Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018. Hiện nay con chung Lương Khánh H đang ở với anh T, con chung Lương Trần Phương T đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018 và chị đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi con chung Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là anh Lương Văn T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn ngày 27/3/2015, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng chung sống hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng giữa năm 2018, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh muốn nói chuyện nhưng chị L không nói chuyện với anh. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ đầu năm 2019, nguyên nhân do anh đi làm nhưng ít đưa tiền cho chị L, chị L không nói gì và làm đơn xin ly hôn. Gia đình hai bên có dàn xếp cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ

chồng anh được đoàn tụ, nếu cô L kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016 và Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018. Hiện nay con chung Lương Khánh H đang ở với anh, con chung Lương Trần Phương T đang ở với chị Liên. Nếu ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi con chung Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016 và anh đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi con chung Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Phương Liên được ly hôn anh Lương Văn Thịnh.

Về con chung: Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi con Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016, giao cho chị Trần Thị Phương L trực tiếp nuôi con chung Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Trần Thị Phương L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương L và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Yên Dũng vào ngày 27/3/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị L là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế, anh T còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh T thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh muốn nói chuyện nhưng chị L không nói chuyện với anh. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn, anh T không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án cũng đã xác minh tại gia đình và địa phương xác định chị L và anh T có mâu thuẫn do nguyên nhân là trong cuộc sống anh, chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, chị L nghi ngờ anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Quan điểm của gia đình và địa phương xác định anh, chị khó có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016 và Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018. Hiện nay con chung Lương Khánh H đang ở với anh T, con chung Lương Trần Phương T đang ở với chị L. Vợ chồng ly hôn, chị L và anh T đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con chung Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016, chị L trực tiếp nuôi con chung Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị L và anh T là giao cho anh T trực tiếp nuôi con Lương Khánh H, giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung Lương Trần Phương T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh T và chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Phương L được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi con Lương Khánh H, sinh ngày 30/5/2016, giao cho chị Trần Thị Phương L trực tiếp nuôi con chung Lương Trần Phương T, sinh ngày 14/01/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T và chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002817 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã N, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh